TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2021/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 13 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995**; Địa chỉ: tổ 5, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* **Anh Lê Thanh M, sinh năm 1990**; Địa chỉ: Số 346/TT ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh M. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2019 ngày 18/01/2019 của UBND xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Thảo M1, sinh ngày 22/6/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Thảo M1, sinh ngày 22/6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: đôi bên khai không có.

- Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Nguyễn Thị T đồng ý nộp. Số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006681 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị T được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn